

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phèo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1109/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (có mặt).

Thường trú: Số 9B đường số 41, tổ 7, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 21A đường Lưu Khai Hồng, khu phố 4, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Đình Q, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 9B đường số 41, tổ 7, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 31 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Đình Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 17/02/2010 theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 10, quyền số 01-2010. Sau khi kết hôn, cuộc hôn nhân kéo dài gần 11 năm. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai vợ chồng cùng làm chung công ty nên công việc hằng ngày va chạm và bất đồng quan điểm quá nhiều. Trong 03 năm trở lại đây, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn xảy ra càng nhiều, không thể hàn gắn. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Hải Y, sinh ngày 02/11/2010 và Trần Hải A, sinh ngày 23/7/2014. Bà yêu cầu nuôi 02 con chung. Bà yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/con.

Về tài sản chung: Bà H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Q; bà yêu cầu nuôi 02 con chung. Bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Ông Q thường xuyên đi công tác, mâu thuẫn trong gia đình xảy ra. Mỗi khi cãi nhau, ông Q bỏ nhà đi đến khi hết giận rồi quay về. Bà và ông Q ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình chung sống đến khi ly thân, ông Q đánh đập bà, chửi mắng cha mẹ bà thậm chí còn sỉ nhục cha mẹ bà. Bà và ông Q không còn cùng nhau quản lý công ty. Tháng 8/2019, ông Q đã loại bà ra khỏi công ty mặc dù công ty là do bà và ông Q cùng nhau gây dựng. Lúc đầu ông Q đồng ý ly hôn nhưng sau khi suy nghĩ công ty có nữa là công gây dựng của bà nên ông không đồng ý ly hôn. Ông không muốn bà nắm giữ công ty. Từ năm 2017, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà quyết định mở spa, cửa hàng hoa để kiếm thêm thu nhập. Tiền thu nhập của bà chủ yếu từ spa, cửa hàng hoa, tiền cho thuê trọ. Bà không sử dụng tiền công ty vì ông Q đã thay đổi thẻ ngân hàng, doanh thu từ công ty ông không cho bà quản lý; về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nghĩa vụ dân sự chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Đình Q trình bày:

Ông và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng ông làm chung công ty do vợ chồng ông tạo lập nên quan điểm trong công việc có lúc trái ngược nhau. Những mâu thuẫn đó không lớn. Vợ chồng ông không cãi nhau. Ngoài ra, giữa vợ chồng ông không có bất kỳ mâu thuẫn gì. Ông và bà H sống chung nhà, không có ly thân. Ông vẫn còn thương vợ, thương con. Trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông không đồng ý.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Hải Y, sinh ngày 02/11/2010 và Trần Hải A, sinh ngày 23/7/2014. Nếu như ly hôn, ông yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Q đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Đình Q là trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn ông Q hiện cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Trần Đình Q, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Q vẫn không đến tòa tham gia giải quyết vụ kiện. Vì vậy, căn cứ theo Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình Q có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01-2010 ngày 17/02/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bà và ông Q làm chung công ty nên công việc hàng ngày va chạm, bất đồng quan điểm quá nhiều. Vợ chồng bà thường cãi nhau, gần như mọi thứ trong gia đình bà tự làm một mình làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tư tưởng bà không thoải mái, tinh thần bị ảnh hưởng. Vợ chồng bà ly thân đã hơn 01 năm, gia đình mất hạnh phúc. Hiện vợ chồng bà đã không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương, tạo điều kiện cho nhau. Nay bà nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không hòa giải được. Mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Tòa án đã triệu tập bà H và ông Q đến Tòa án tiến hành hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Q không đồng ý ly hôn. Từ ngày hòa giải đến nay, ông Q không đến tòa, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn xảy ra. Bà H không còn sống chung nhà với ông Q. Bà H xác định bà không còn tình cảm với ông Q, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với ông Q. Hiện tại vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện cho nhau thực quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ

vợ chồng nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà H và ông Q có 02 (hai) con chung tên Trần Hải Y, sinh ngày 02/11/2010 và Trần Hải A, sinh ngày 23/7/2014. Sau ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Y và A và bà tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích mọi mặt của trẻ Y và trẻ A theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, để tạo tâm lý ổn định cho trẻ cần giao trẻ Y và trẻ A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa, bà H xin rút yêu cầu buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung, bà H tạm thời không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Đình chỉ phần rút yêu cầu buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con chung của bà H.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q cũng xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông Q có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q cũng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông Q có tranh chấp về nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, cấp, tổng đạt thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định.

Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Đình Q.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Hải Y, sinh ngày 02/11/2010 và Trần Hải A, sinh ngày 23/7/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Q.

Đình chỉ phần rút yêu cầu buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con chung của bà H.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy ý kiến trên của Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Đình Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01-2010 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 17/02/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Trần Hải Y, sinh ngày 02/11/2010 và Trần Hải A, sinh ngày 23/7/2014.

3. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ phần rút yêu cầu buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con chung của bà H.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng con chung.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu ông Q có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0084765 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo